

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THĂNG BÌNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 422/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Lưu Văn Thảo;

+ Bà Nguyễn Thị Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Ngọc Lan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: bà Hà Thị Hồng Nh, sinh năm 1999. Trú tại: thôn C, xã BT, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: ông Trương Văn L, sinh năm 1996. Trú tại: thôn C, xã BT, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Hồng Nh trình bày:

Bà và ông Trương Văn L tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; ông L bị nghiện ma túy, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Văn L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Đăng Kh, sinh ngày 28/9/2020; bà có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Không có.

*\* Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Văn L trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn ông đồng ý với lời trình bày của bà Nh. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Ông thừa nhận trước đây có sử dụng ma túy nhưng đã được cai nghiện tập trung và hiện nay đã hết nghiện. Nay bà Nh xin ly hôn ông thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Đăng Kh, sinh ngày 28/9/2020; ông có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Nh không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông và Nh không nợ chung.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhân thuận tình ly hôn giữ bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L.

+ Về con chung: Giao cháu Trương Đăng Kh cho bà Hà Thị Hồng Nh nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành.

Bà Nh không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

+ Về tài sản chung: bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Hà Thị Hồng Nh xin ly hôn ông Trương Văn L thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trương Văn L có nơi cư trú tại xã BT, huyện T nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT,

huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như vậy hôn nhân của bà Nh và ông L là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Bà Nh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên xin được ly hôn ông L. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn L thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà Nh.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nh thì thấy: Bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bà Nh và ông Linh cho rằng vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau nên hai người đã sống ly thân hơn 11 tháng nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa bà Nh và ông L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L có 01 con chung tên là Trương Đăng Kh, sinh ngày 28/9/2020. Bà Nh và ông L đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà Nh và ông L thì thấy: Bà Hà Thị Hồng Nh hiện là giáo viên Trường Mầm non xã NL, huyện ĐG, tỉnh Kontum; ông Trương Văn L làm công nhân tại thành phố Đà Nẵng; tại phiên tòa ông L thừa nhận trước đây có nghiện ma túy nhưng đã cai nghiện.

Xét về điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh thì bà Nh có điều kiện hơn và cháu Trương Đăng Kh còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, giao cháu Trương Đăng Kh cho bà Hà Thị Hồng Nh nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Hà Thị Hồng Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị Hồng Nh và ông Trương Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Đăng Kh, sinh ngày 28/9/2020 cho bà Hà Thị Hồng Nh nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Bà Hà Thị Hồng Nh không yêu cầu ông Trương Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Văn L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí HNGĐ-ST: bà Hà Thị Hồng Nh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nh đã nộp theo biên lai thu số 0003450 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình. Bà Nh đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/12/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND h. Thăng Bình;
- Chi cục THADS h. Thăng Bình;
- UBND xã BT (GĐKKH số 34 ngày 14/8/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký và đóng dấu)**

**Võ Minh Diệp**